

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16 /2018/DS-ST

Ngày 26 tháng 6 năm 2018

“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cường Anh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Văn Giang.

2. Ông: Ngô Trọng Búp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hòa Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2017/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2017 về “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 05 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phan Quang T, sinh năm 1972. Địa chỉ: B, xã E, huyện Ea, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn Đ, bà Cao Thị T. Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phan Quang T trình bày:*

Từ ngày 18/4/2014 đến ngày 24/7/2014 ông T có bán thức ăn cho gà (cám gà) cho vợ chồng ông Lê Văn Đ, bà Cao Thị T với tổng số tiền là 131.945.000 đồng. Hai bên thoả thuận từ ngày 16/5/2014 đến ngày 16/9/2014 vợ chồng ông Đ, bà T phải thanh toán hết số tiền trên cho ông T, nếu không thanh toán thì phải chịu lãi suất 3%/tháng. Nhưng đến hạn ông Đ, bà T không trả cho ông T số tiền trên, ông T đã đến nhà đòi nợ nhiều lần nhưng ông Đ, bà T chỉ trả được 3.000.000 đồng và viết giấy nhận nợ hẹn đến cuối năm 2014 sẽ trả hết số tiền

gốc và tiền lãi cho ông T. Nay đã quá hạn trả nợ nhưng vợ chồng ông Đ, bà T không trả cho ông T được khoản tiền gốc tiền lãi nào. Vì vậy, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Đ, bà T phải trả cho ông T tổng số tiền 194.645.000 đồng bao gồm số tiền mua cám còn nợ là 128.945.000 đồng và 65.700.000 đồng tiền lãi tính theo mức 1,125%/tháng tạm tính từ ngày 17/9/2014 đến ngày 26/6/2018 (45 tháng 9 ngày) và tiền lãi phát sinh đến khi trả hết nợ.

* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vợ chồng ông Đ, bà T vắng mặt tại nơi cư trú, đã được Tòa án niêm yết văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vợ chồng ông Đ vẫn vắng mặt tại phiên Tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt vợ chồng ông Đ là đúng quy định của pháp luật.

- Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa đảm bảo quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Quang T buộc vợ chồng ông Đ, bà T phải trả cho ông T tổng số tiền là 194.645.000 đồng bao gồm số tiền mua cám còn nợ là 128.945.000 đồng và 65.700.000 đồng tiền lãi và tiền lãi phát sinh đến khi trả hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

Về tố tụng:

[1] Ông Phan Quang T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Lê Văn Đ, bà Cao Thị T phải trả số tiền mua cám gà là 128.945.000 đồng và 65.700.000 đồng tiền lãi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) đây là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Do bị đơn có nơi cư trú tại huyện M’Đrăk, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện M’Đrăk, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Ông Lê Văn Đ, bà Cao Thị T là bị đơn trong vụ án, hiện nay đã đi khỏi địa phương nhưng không báo ông T cũng như chính quyền địa phương về địa chỉ hiện tại của mình. Tòa án kết hợp với chính quyền địa phương đến nơi cư trú của ông Đ, bà T để giao các văn bản tố tụng và làm việc với ông Đ, bà T nhưng không gặp được ông Đ, bà T nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại trụ sở Tòa án, Ủy ban nhân dân xã C, nơi cư trú của ông Đ, bà T theo quy định của pháp luật nhưng ông Đ, bà T vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ, bà T.

Về nội dung:

[3] Việc mua bán cám gà giữa ông T với vợ chồng ông Đ, bà T có ký kết hợp đồng và hẹn đến ngày 16/9/2014, ông Đ, bà T phải trả cho ông T số tiền cám là 131.945.000 đồng, nếu không trả được thì phải chịu lãi suất 3%/tháng. Đến hạn trả nợ vợ chồng ông Đ, bà T chỉ trả được cho ông T 3.000.000 đồng và viết giấy nhận nợ hẹn đến cuối năm 2014 sẽ trả hết số nợ cho ông T. Nhưng đến nay, ông Đ, bà T không trả được cho ông T thêm một khoản tiền nào, mặc dù đã được đòi nhiều lần. Như vậy, vợ chồng ông Đ, bà T đã không thực hiện đúng với nội dung đã cam kết trong giấy nhận nợ. Do đó, đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T nên ông T yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà T phải trả cho ông T 128.945.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử là 65.700.000 đồng theo mức tính 1,125%/tháng.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng ông Đ, bà T đã vắng mặt tại nơi cư trú. Để đảm quyền, lợi ích của các bên đương sự và theo đơn yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của nguyên đơn đối với chữ viết, chữ ký của bị đơn ông Lê Văn Đ và bà Cao Thị T trong giấy vay tiền ngày 08/2/2013 (âm). Trong quá trình thu thập chữ viết, chữ ký của bị đơn, Tòa án thu thập được chữ viết, chữ ký của ông Lê Văn Đ trong các tài liệu sau: Giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù số 1026/GCN ngày 20/9/2005 của trại giam Đắk Trung; Biên bản làm việc ngày 28/10/2005 tại Công an xã Cư Prao, huyện M'Đrăk; Biên bản hỏi cung vào lúc 10 giờ 20 ngày 20/8/2004 của Công an huyện M'Đrăk; Biên bản hỏi cung vào lúc 15 giờ, ngày 20/8/2004 của Công an huyện M'Đrăk; Biên bản (V/v giải thích và giao quyết định khởi tố bị can) đề ngày 20/8/2004 của Công an huyện M'Đrăk; Biên bản giao nhận bản kết luận điều tra đề ngày 17/9/2004 của Công an huyện M'Đrăk và đã ra quyết định trưng cầu giám định đối với chữ viết, chữ ký của bị đơn ông Lê Văn Đ. Đối với chữ viết, chữ ký của bà Cao Thị T không thu thập được.

Tại kết luận giám định số 45/PC45 ngày 04/5/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận:

Chữ viết có nội dung “Lê Văn Đ” dưới mục “Đại Diện Bên B” trong tài liệu cần giám định và chữ viết có nội dung “Lê Văn Đ” dưới mục “Chồng” trong tài liệu cần giám định so với chữ viết đứng tên Lê Văn Đ trong các tài liệu mẫu so sánh, là do cùng một người viết ra.

Trong các tài liệu mẫu so sánh không có chữ ký cùng dạng với chữ ký của Lê Văn Đ dưới mục “Chồng” trong tài liệu cần giám định, nên không tiến hành giám định chữ ký Lê Văn Đ được.

[5] Từ những chứng cứ mà các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án. Xác định ông Lê Văn Đ có chữ viết xác nhận trong hợp đồng kinh tế ngày 26/5/2014 và giấy nhận nợ ngày 13/9/2014 giữa ông Thanh và vợ chồng ông Đ, bà T là thực tế. Mặc dù, trong quá trình

giải quyết vụ án không thu thập được chữ ký, chữ viết của vợ ông Đ là bà Cao Thị T nhưng qua quá trình làm việc đối với các đương sự được biết vợ chồng ông Đ, bà T mua cám gà nhằm mục đích chăn nuôi, phục vụ cho việc phát triển kinh tế của gia đình nên xác định đây là nợ chung của vợ chồng ông Đ, bà T đối với ông T là có căn cứ. HĐXX cần buộc bà Cao Thị T phải có nghĩa vụ cùng ông Lê Văn Đ trả cho ông T số tiền nợ gốc là 128.945.000 đồng và tiền lãi từ ngày 17/9/2014 đến ngày xét xử (26/6/2018) theo mức tính 1,125%/tháng là 65.700.000 đồng là phù hợp với pháp luật.

[6] Đối với chi phí giám định: Ông Phan Quang T có đơn yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký của bị đơn ông Lê Văn Đ, bà Lê Thị T, chi phí giám định là 5.040.000 đồng. Kết quả giám định chứng minh yêu cầu của ông T là có căn cứ nên HĐXX cần buộc ông Lê Văn Đ và bà Cao Thị T phải trả lại cho ông T số tiền chi phí giám định là 5.040.000 đồng là đúng theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn vợ chồng ông Đ, bà T phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn (194.645.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 85, Điều 147, khoản 1 Điều 161, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 428, Điều 438, Điều 476 Bộ luật dân sự 2005; khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015. Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc vợ chồng ông Lê Văn Đ, bà Cao Thị T phải trả cho ông Phan Quang T tổng số tiền 194.645.000 đồng (Một trăm chín mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng bao gồm số tiền mua cám còn nợ là 128.945.000 đồng và 65.700.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về chi phí giám định: Buộc vợ chồng ông Lê Văn Đ, bà Cao Thị T phải trả cho ông Phan Quang T chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 5.040.000 đồng.

3. Về án phí:

Vợ chồng ông Lê Văn Đ, bà Cao Thị T phải chịu 9.732.250 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Phan Quang T số tiền 4.649.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0004567 ngày 06/12/2018 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện M'Đrăk.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrăk;
- THADS huyện M'Đrăk;
- Đương sự;
- Lưu HS.

Nguyễn Cường Anh